CÔNG TY ĐIỆN LỰC LẠNG SƠN
ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: 304/BC-ĐLTPLS

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
Về tình hình tiêu thụ điện của các nhóm khách hàng HCSN trên địa bàn thành phố Lạng Sơn tháng 5 năm 2024

Kính gửi: UBND thành phố Lạng Sơn

Thực hiện Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn v/v Triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo.

Căn cứ văn bản số 531/UBND-KT ngày 23/04/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn V/v đẩy mạnh tiết kiệm điện và đảm bảo cung cấp điện trong mùa nắng nóng năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

Điện lực thành phố Lạng Sơn báo cáo UBND thành phố Lạng Sơn về tình hình sử dụng điện của khối cơ quan HCSN trên địa bàn thành phố trong tháng 05/2024, cụ thể như sau:

Tổng số khách hàng là cơ quan Hành chính sự nghiệp và chiếu sáng công cộng thống kê theo dõi tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Lạng Sơn là 179 khách hàng (chỉ tính các cơ quan có sản lượng tiêu thụ tháng >100 kWh). Trong đó:

- Khối HCSN: Có 66 khách hàng, tổng điện năng tiêu thụ là 118.161 kWh, cao hơn cùng kỳ tháng 5/2023 là 20.831 kWh, tương ứng tăng 21,40%

Trong tháng 5/2024, có 15/66 cơ quan giảm so với cùng kỳ, 51/66 cơ quan tăng so với cùng.

Một số đơn vị thực hiện tiết giảm sâu so với cùng kỳ như: Trung tâm văn hóa thể thao sửu dụng 1.099 kWh giảm 47,50%; Chi cục phát triển nông thôn sử dụng 544 kWh giảm 22,61%; UBND phường Hoàng Văn Thụ sử dụng 293 kWh giảm 66,21%....

Bên cạnh đó một số đơn vị sử dụng tăng cao hơn trên 10% so với cùng kỳ như: Chi cục bảo vệ môi trường sử dụng 2.552 kWh tăng 52,35%; Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn sử dụng 2.557 kWh tăng 23,11%; UBND xã Mai Pha sử dụng 2.512 kWh tăng 20,38%....

- Khối CSCC có 113 điểm đo, tổng điện năng tiêu thụ là 201.734 kWh, giảm so cùng kỳ tháng 5/2023 là 73.276 kWh, tương ứng giảm 26.76%.

Các điểm đo chiếu sáng công cộng, đa số đều giảm so với tháng cùng kỳ, cụ thể có 54 điểm đo giảm từ 20% đến 180%. Tuy nhiên còn có 18 điểm đo tăng trên 10%, trong đó tăng nhiều nhất là đèn đường thôn Khòn Pát Mai Pha tăng 48,56%, Đèn đường ngõ Nà Trang thôn Nà Pàn tăng 90,53%.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả tổng hợp sản lượng điện tháng 05/2024 của các khách hàng cơ quan HCSN và CSCC trên địa bàn thành phố. Điện lực thành phố Lạng Sơn báo cáo UBND thành phố Lạng Sơn và kính đề nghị UBND thành phố Lạng Sơn thông báo trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Lạng Sơn để các cơ quan, đơn vị nắm biết, có kế hoạch thực hiện sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

(Nội dung thông báo gửi kèm Phụ lục)

Điện lực thành phố Lạng Sơn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PCLS (để b/c);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
CÔNG TY ĐIỆN LỰC LẠNG SƠN

Đào Xuân Thanh

PHỤ LỤC

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ ĐIỆN CÁC KHÁCH HÀNG HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP THÁNG 05/2024

STT	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Sản lượng T5-2024	Sản lượng T5-2023	Tăng/giảm (kWh)	Tỷ lệ (%)
I	**Cơ quan HCSN**		**118161**	**97330**	**20831**	**21,40**
1	PA11TX0018487	Chi cục Thuế thành phố Lạng Sơn	168	107	61	36.31
2	PA11TX0023085	UBND xã Mai Pha	2512	2000	512	20.38
3	PA11TX0023631	Công An Thành Phố Lạng Sơn	140	196	-56	-40.00
4	PA11TXXX55075	Trung Tâm Khuyến Nông	904	780	124	13.72
5	PA11TXXL50305	UBND phường Đông Kinh	113	87	26	23.01
6	PA11TX0014782	UBND xã Quảng Lạc	431	317	114	26.45
7	PA11TX0023218	UBND xã Quảng Lạc	1530	1282	248	16.21
8	PA11TX0005556	Công An phường Chi Lăng	2292	1610	682	29.76
9	PA11TXTX50294	Ban quản lý di tích Chùa Tiên	409	298	111	27.14
10	PA11TX0006588	Chi Cục thuế thành phố Lạng Sơn	351	258	93	26.50
11	PA11TXTX50547	Đội Quản lý thị trường số 1	780	622	158	20.26
12	PA11TX0025639	Công An xã Hoàng Đồng	658	0	0	0.00
13	PA11TXTX50545	Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đồng	1640	1307	333	20.30
14	PA11TX0001485	Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm	908	896	12	1.32
15	PA11TX0003002	Chi Cục Dân Số Kế Hoạch Hóa Gia Đình	1023	794	229	22.39
16	PA11TX0012612	UBND phường Vĩnh Trại TP Lạng Sơn	2086	1882	204	9.78
17	PA11TX0013779	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Lạng Sơn	484	358	126	26.03
18	PA11TX0010471	Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất	1080	872	208	19.26
19	PA11TX0021696	Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Lạng Sơn	1432	1315	117	8.17
20	PA11TX0010218	Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường	2552	1216	1,336	52.35
21	PA11TX0007134	Viện Kiểm Sát ND Thành phố	1120	1164	-44	-3.93
22	PA11TX0017848	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cao Lộc	1315	1354	-39	-2.97
23	PA11TX0002961	Uỷ Ban Nhân Dân P. Vĩnh Trại	275	312	-37	-13.45
24	PA11TXTX24324	UBND Phường Vĩnh Trại (Đền Vĩnh Trại)	216	97	119	55.09
25	PA11TXX000063	Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng sơn	712	620	92	12.92
26	PA11TX0008530	Công An Thành Phố Lạng Sơn	2847	2395	452	15.88
27	PA11TXTX5149B	Ban chỉ huy quân sự thành phố Lạng Sơn	2852	2613	239	8.38
28	PA11TX0007465	Công An Thành Phố Lạng Sơn	19248	13542	5,706	29.64
29	PA11TX0008531	Công An Thành Phố Lạng Sơn	784	817	-33	-4.21
30	PA11TXTX50189	Ủy ban nhân dân phường Chi Lăng	2623	1748	875	33.36

31	PA11TXTX50173	Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn	2557	1966	591	23.11
32	PA11TX0011454	UBND Phường Tam Thanh	1280	1002	278	21.72
33	PA11TX0017788	UBND Phường Tam Thanh	155	72	83	53.55
34	PA11TX0002775	Chi Cục thuế thành phố Lạng Sơn	268	210	58	21.64
35	PA11TXXL55241	UBND Phường VT	197	36	161	81.73
36	PA11TX0010736	TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ THAO	1099	1621	-522	-47.50
37	PA11TX0011312	Trung Tâm Văn Hóa Thể Thao Thành Phố Lạng Sơn	314	296	18	5.73
38	PA11TX0007601	UBND Thành Phố Lạng Sơn	13050	10140	2,910	22.30
39	PA11TXTX50182	Thành Ủy Thành Phố	6800	5520	1,280	18.82
40	PA11TX0014646	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai TP Lạng Sơn	1303	952	351	26.94
41	PA11TX0013280	Thành Ủy Lạng Sơn	3330	3030	300	9.01
42	PA11TX0013281	Thành Ủy Lạng Sơn	3210	2296	914	28.47
43	PA11TX0018287	Thanh tra Thành phố Lạng Sơn	496	409	87	17.54
44	PA11TXXL50303	Công an phường Vĩnh trại	1517	1149	368	24.26
45	PA11TXTX5146C	Công An Thành Phố	1617	1406	211	13.05
46	PA11TXTX50759	Hạt Kiểm Lâm thành phố Lạng Sơn	369	457	-88	-23.85
47	PA11TXTX50363	Hạt Kiểm Lâm thành phố Lạng Sơn	702	674	28	3.99
48	PA11TXTX50710	Chi Cục thuế thành phố Lạng Sơn	310	247	63	20.32
49	PA11TXTX50351	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Lạng Sơn	401	369	32	7.98
50	PA11TXTX50464	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Lạng Sơn	3864	3227	637	16.49
51	PA11TX0017365	UBND phường Hoàng Văn Thụ	293	487	-194	-66.21
52	PA11TXTX50401	Công An phường Hoàng Văn Thụ - Công an Thành Phố	1236	1005	231	18.69
53	PA11TXTX50208	Chi Cục thuế thành phố Lạng Sơn	303	253	50	16.50
54	PA11TXTX50085	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1083	760	323	29.82
55	PA11TXTX5146A	Công An Thành Phố	1558	1260	298	19.13
56	PA11TX0006851	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1772	1877	-105	-5.93
57	PA11TX0001704	Ban Quản Lý Chợ Giếng Vuông	612	584	28	4.58
58	PA11TXTX21308	Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ	190	184	6	3.16
59	PA11TXTX50186	UBND phường Hoàng Văn Thụ thành phố Lạng Sơn	2066	2159	-93	-4.50
60	PA11TXTX50468	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Lạng Sơn	1626	1763	-137	-8.43
61	PA11TX0009799	Cung Thanh thiếu nhi Lạng Sơn	863	871	-8	-0.93
62	PA11TX0016281	UBND phường Tam Thanh	107	11	96	89.72
63	PA11TX0001851	Chi cục Phát triển Nông Thôn	544	667	-123	-22.61
64	PA11TXX000512	Chi Cục thuế thành phố Lạng Sơn	5701	5786	-85	-1.49
65	PA11TX0019802	Uỷ ban nhân dân phường Đông Kinh	2094	1937	157	7.50

66	PA11TXX001475	Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Thành Phố	1789	1788	1	0.06
II	**Cơ quan CSCC**		**201734**	**275460**	**-73276**	**-26,76**
1	PA11TX0016391	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	220	338	-118	-53.64
2	PA11TX0016351	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	799	717	82	10.26
3	PA11TX0019549	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	108	165	-57	-52.78
4	PA11TX0019547	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	145	154	-9	-6.21
5	PA11TX0009081	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	2760	3275	-515	-18.66
6	PA11TX0020710	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	580	815	-235	-40.52
7	PA11TX0020732	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	141	134	7	4.96
8	PA11TX0013189	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1079	734	345	31.97
9	PA11TX0019217	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	2171	1859	312	14.37
10	PA11TX0019546	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	173	125	48	27.75
11	PA11TX0023253	Phòng Quản lý đô thị thành phố	4554	5387	-833	-18.29
12	PA11TX0017246	Phòng Quản lý đô thị thành phố Lạng Sơn	294	263	31	10.54
13	PA11TX0024425	Phòng Quản lý đô thị thành phố	2957	3740	-783	-26.48
14	PA11TX0007919	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	933	2292	-1,359	-145.66
15	PA11TX0020711	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	494	700	-206	-41.70
16	PA11TX0009509	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành phố (Đèn đường Ngô Quyền)	6040	6780	-740	-12.25
17	PA11TX0011104	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	133	132	1	0.75
18	PA11TX0014814	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	2154	4612	-2,458	-114.11
19	PA11TX0007917	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1953	4332	-2,379	-121.81
20	PA11TX0018999	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3476	5355	-1,879	-54.06
21	PA11TX0017722	Phòng Quản lý đô thị thành phố Lạng Sơn	1135	1528	-393	-34.63
22	PA11TX0017508	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	213	203	10	4.69
23	PA11TX0019544	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	398	525	-127	-31.91
24	PA11TX0019545	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	543	466	77	14.18
25	PA11TX0019003	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3080	4540	-1,460	-47.40
26	PA11TX0024877	Phòng Quản lý đô thị thành phố	187	0	187	0.00
27	PA11TX0017930	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	2532	3951	-1,419	-56.04
28	PA11TX0021649	Phòng Quản lý đô thị thành phố	1967	3146	-1,179	-59.94
29	PA11TX0015579	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	258	284	-26	-10.08
30	PA11TX0024091	Phòng Quản lý đô thị thành phố	2399	4952	-2,553	-106.42
31	PA11TX0004556	Phòng Quản lý đô thị thành phố Lạng Sơn	858	1415	-557	-64.92
32	PA11TX0000798	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	2644	3845	-1,201	-45.42
33	PA11TX0023285	Phòng Quản lý đô thị thành phố	420	462	-42	-10.00

34	PA11TX0019001	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1604	4113	-2,509	-156.42
35	PA11TX0019538	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	112	193	-81	-72.32
36	PA11TX0020713	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	445	448	-3	-0.67
37	PA11TX0019540	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	129	364	-235	-182.17
38	PA11TX0019000	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3773	3766	7	0.19
39	PA11TX0025031	Phòng Quản lý đô thị thành phố	830	0	0	0.00
40	PA11TX0025030	Phòng Quản lý đô thị thành phố	254	0	0	0.00
41	PA11TX0024318	Phòng Quản lý đô thị thành phố	2962	3267	-305	-10.30
42	PA11TX0019550	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	284	321	-37	-13.03
43	PA11TX0019542	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	174	213	-39	-22.41
44	PA11TX0009975	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	864	675	189	21.88
45	PA11TX0019005	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	7293	9727	-2,434	-33.37
46	PA11TX0019004	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	5489	7428	-1,939	-35.33
47	PA11TX0012973	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1150	830	320	27.83
48	PA11TXTX50590	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	110	92	18	16.36
49	PA11TXTX50580	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	815	1280	-465	-57.06
50	PA11TX0010683	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	397	469	-72	-18.14
51	PA11TX0019002	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	4990	7308	-2,318	-46.45
52	PA11TXTX50203	Phòng Quản lý Đô thị Thành phố	6277	9741	-3,464	-55.19
53	PA11TX0017328	Phòng Quản lý đô thị thành phố	263	852	-589	-223.95
54	PA11TX0009979	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	500	750	-250	-50.00
55	PA11TX0022119	Phòng Quản lý đô thị thành phố	3038	4197	-1,159	-38.15
56	PA11TX0025029	Phòng Quản lý đô thị thành phố	252	0	0	0.00
57	PA11TX0019535	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	387	420	-33	-8.53
58	PA11TX0012756	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1112	978	134	12.05
59	PA11TX0021910	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1910	2351	-441	-23.09
60	PA11TXXL55286	Phòng Q.Lý Đô Thị	644	870	-226	-35.09
61	PA11TX0021912	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3173	3911	-738	-23.26
62	PA11TX0021911	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1122	3947	-2,825	-251.78
63	PA11TX0016392	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1125	1183	-58	-5.16
64	PA11TX0023236	Phòng Quản lý đô thị thành phố	3342	2382	960	28.73
65	PA11TX0018632	Phòng Quản lý đô thị Thành phố Lạng Sơn	485	554	-69	-14.23
66	PA11TX0016261	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	208	107	101	48.56
67	PA11TX0017283	Phòng Quản lý đô thị thành phố	150	90	60	40.00
68	PA11TX0017793	Phòng Quản lý đô thị thành phố	2441	4100	-1,659	-67.96
69	PA11TX0008450	Phòng Quản Lý Đô Thị	1749	1902	-153	-8.75
70	PA11TX0019253	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3311	3400	-89	-2.69
71	PA11TX0018270	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	549	500	49	8.93
72	PA11TX0025424	Phòng Quản lý đô thị Thành Phố	277	0	0	0.00
73	PA11TX0025422	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	244	0	0	0.00

74	PA11TX0019543	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	388	405	-17	-4.38
75	PA11TX0019534	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	160	338	-178	-111.25
76	PA11TX0018998	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	4813	8042	-3,229	-67.09
77	PA11TX0021900	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	672	691	-19	-2.83
78	PA11TX0012995	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	540	572	-32	-5.93
79	PA11TX0008934	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	166	145	21	12.65
80	PA11TX0009807	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1503	2346	-843	-56.09
81	PA11TX0024441	Phòng Quản lý đô thị thành phố	1017	960	57	5.60
82	PA11TX0009563	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3227	2729	498	15.43
83	PA11TX0016105	Phòng Quản lý đô thị thành phố Lạng Sơn	1028	824	204	19.84
84	PA11TX0001054	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	973	473	500	51.39
85	PA11TX0010004	Phòng Quản lý đô thị thành phố Lạng Sơn	2145	2145	0	0.00
86	PA11TX0023308	Phòng Quản lý đô thị thành phố	985	1777	-792	-80.41
87	PA11TXTX5203A	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	6138	7017	-879	-14.32
88	PA11TXTX5203B	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	5105	7085	-1,980	-38.79
89	PA11TX0011435	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	230	248	-18	-7.83
90	PA11TX0017510	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1692	1637	55	3.25
91	PA11TX0010244	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	698	1688	-990	-141.83
92	PA11TX0010043	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	6043	7695	-1,652	-27.34
93	PA11TX0023925	Phòng Quản lý đô thị thành phố	214	231	-17	-7.94
94	PA11TX0020524	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	410	440	-30	-7.32
95	PA11TX0021415	Phòng Quản lý đô thị	2160	3168	-1,008	-46.67
96	PA11TXX000062	Phòng quản lý đô thị thành phố	3082	5110	-2,028	-65.80
97	PA11TX0021669	Phòng Quản lý đô thị thành phố	2837	2985	-148	-5.22
98	PA11TX0019541	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố Lạng Sơn	522	599	-77	-14.75
99	PA11TX0021771	Phòng Quản lý đô thị thành phố	557	1495	-938	-168.40
100	PA11TXTX50201	Phòng quản lý đô thị thành phố	141	136	5	3.55
101	PA11TX0021585	Phòng Quản lý đô thị thành phố	2120	3951	-1,831	-86.37
102	PA11TX0011957	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	1872	4055	-2,183	-116.61
103	PA11TX0023310	Phòng Quản lý đô thị thành phố	648	1378	-730	-112.65
104	PA11TX0023309	Phòng Quản lý đô thị thành phố	669	1643	-974	-145.59
105	PA11TX0011958	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3404	6715	-3,311	-97.27
106	PA11TX0021001	Phòng Quản Lý Đô Thị Thành Phố	665	63	602	90.53
107	PA11TXTX5425A	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	3658	6353	-2,695	-73.67
108	PA11TX0017518	Phòng Quản lý đô thị Thành phố Lạng Sơn	4257	4693	-436	-10.24
109	PA11TX0001853	Phòng Quản lý Đô thị Thành phố	5460	7190	-1,730	-31.68
110	PA11TX0003120	Phòng Quản lý Đô thị Thành phố	2754	4349	-1,595	-57.92
111	PA11TX0007622	Phòng Quản lý Đô thị Thành phố	1186	2001	-815	-68.72
112	PA11TX0019008	Phòng Quản lý đô thị Thành phố	9484	15343	-5,859	-61.78

113	PA11TXX015590	Phòng Quản lý Đô thị thành phố Lạng Sơn	6079	6790	-711	-11.70
	TỔNG CỘNG		**160.938**	**183472**	**-22534**	**-22,53**